



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng

Ngày 30/09/2025	23,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	44.0%	35.4%

DT thuần Q3/25
1,339
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,067 392%
YoY: ▲ 1,292 2732%

LN thuần Q3/25
248
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 181 268%
YoY: ▲ 253 4938%

LN sau thuế Q3/25
193
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 120 163%
YoY: ▲ 182 1625%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
22.5%
YoY: +/- ▼ 5.3%

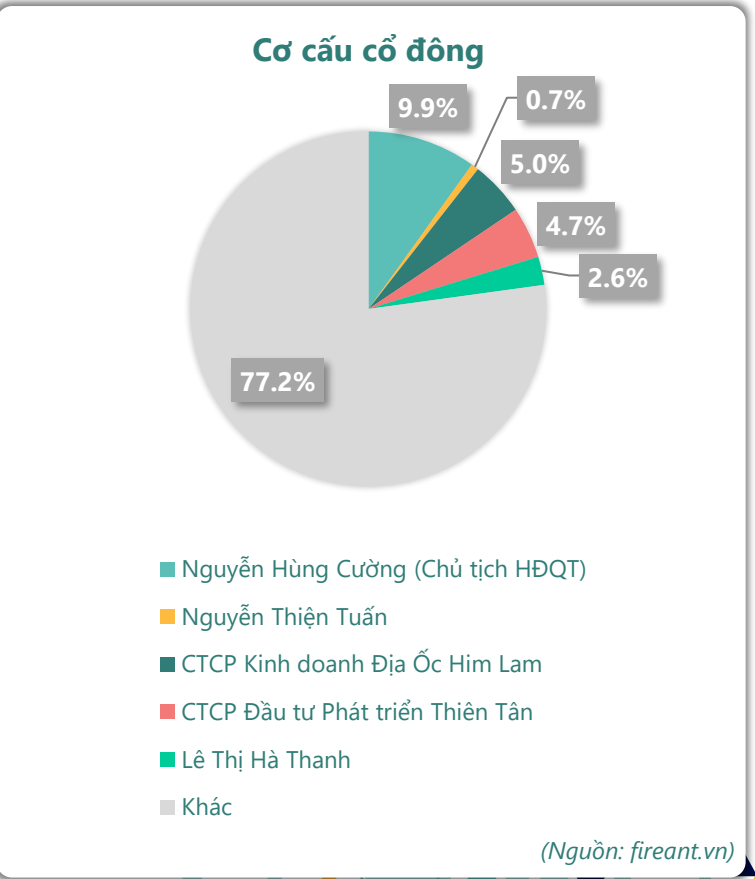
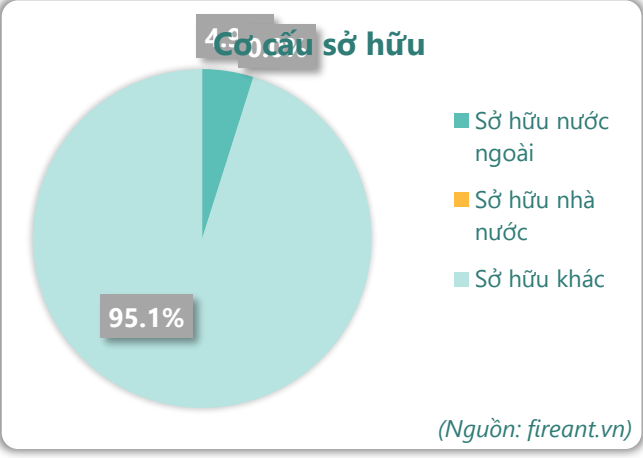
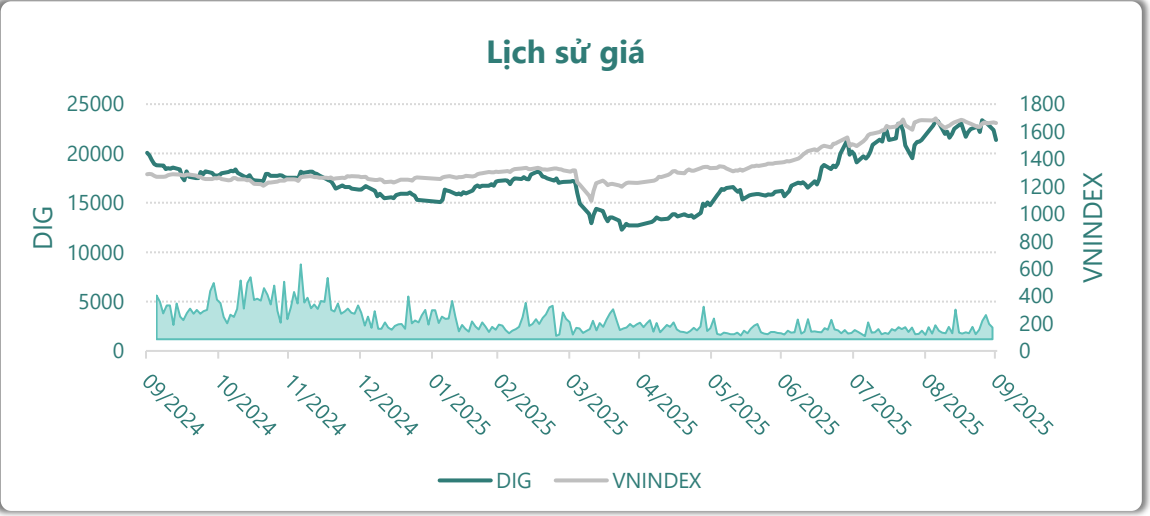
ROE (TTM) Q3/25
4.1%
YoY: +/- ▲ 2.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,278 - 23,372
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,062
Số lượng CPLH (CP)	646,431,191
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,006,730
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	1.38
EPS	513
P/E	45.4

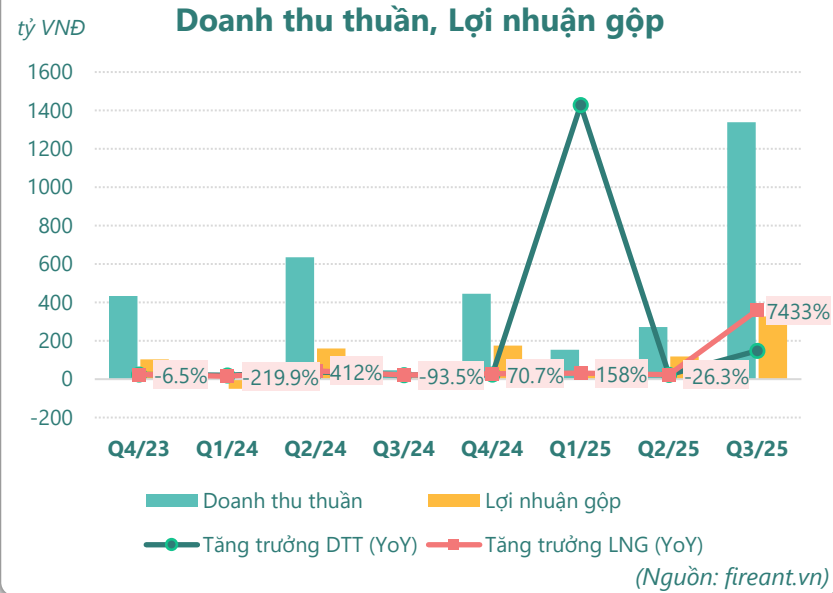
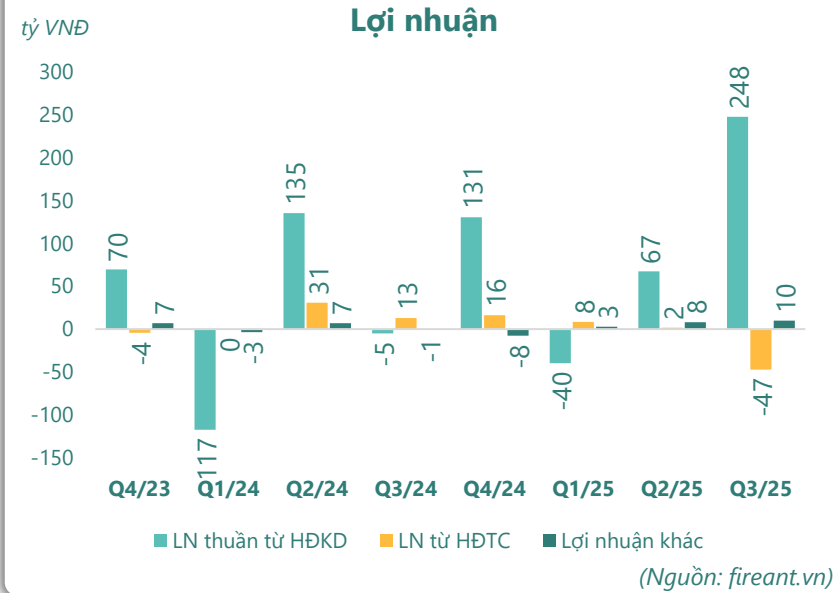
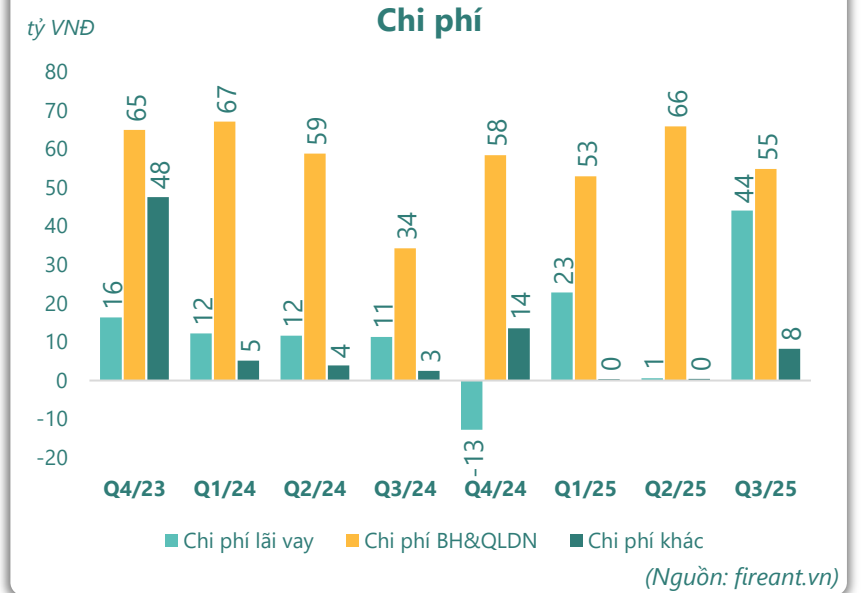
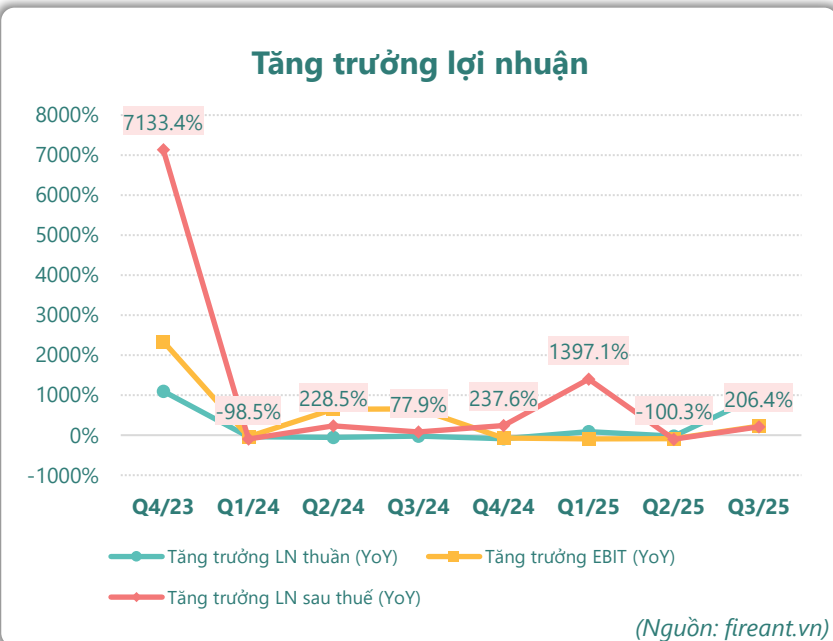
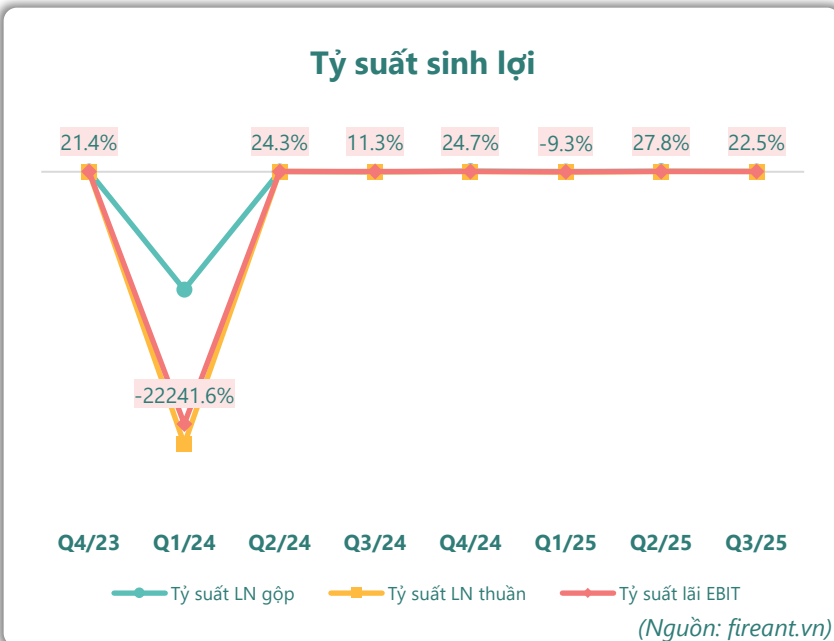
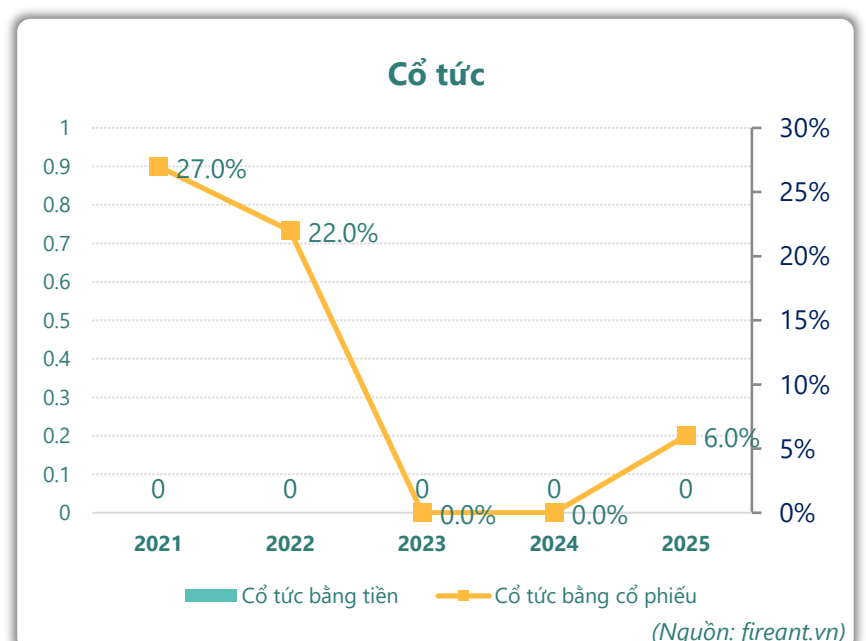
DT thuần 9T 2025
1,764
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,082 159%

LN thuần 9T 2025
275
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 262 2056%

LN sau thuế 9T 2025
221
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 206 1363%



KẾT QUẢ KINH DOANH

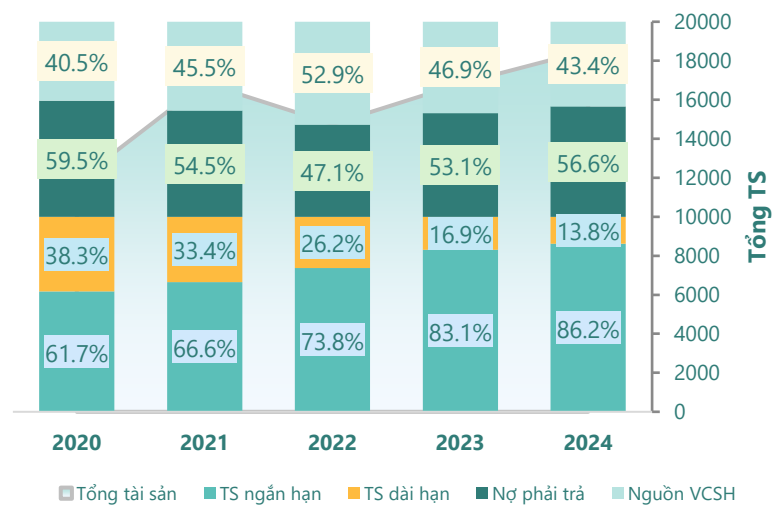




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

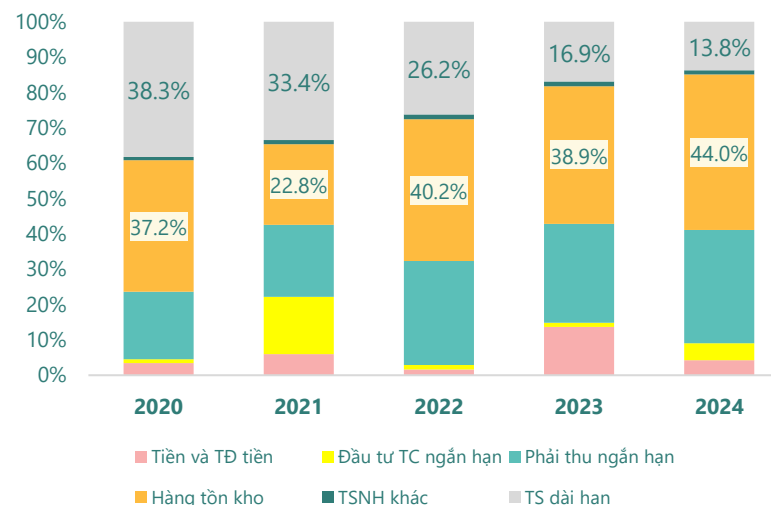
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

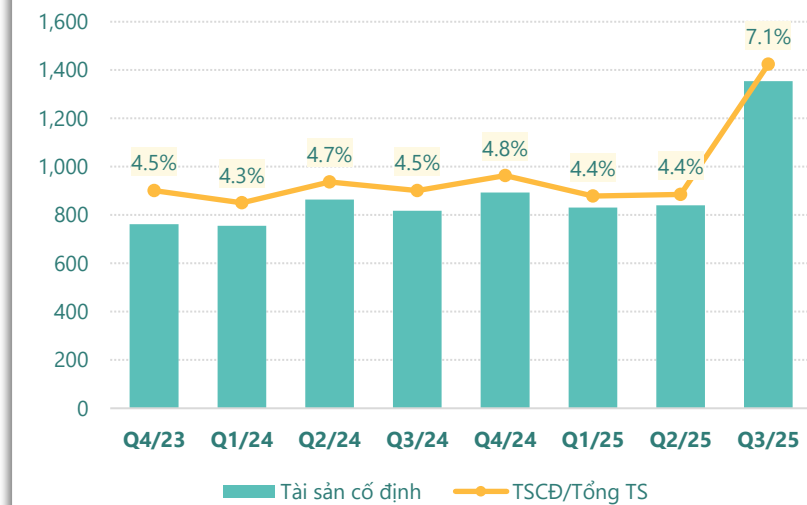
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

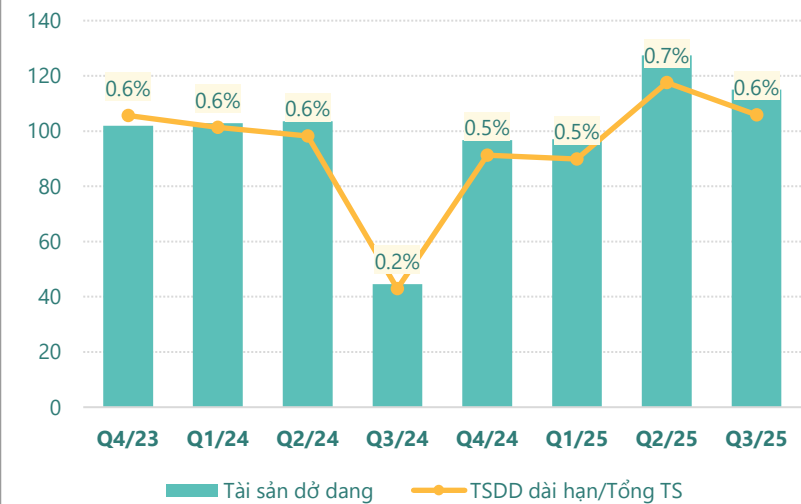
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

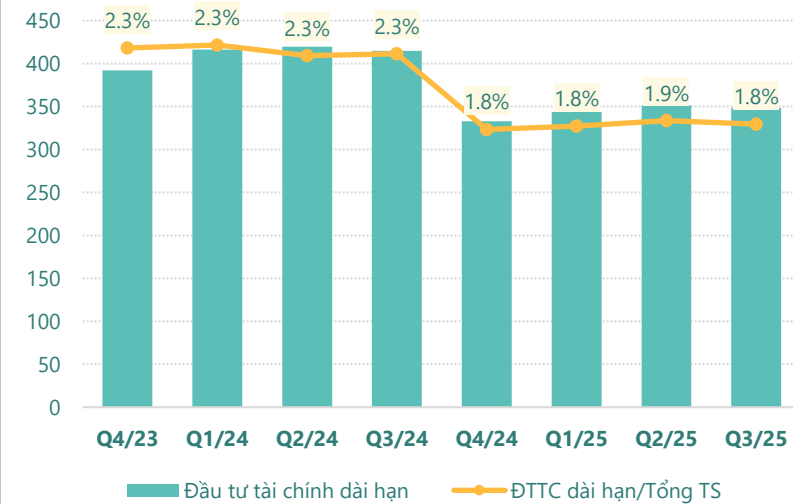
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

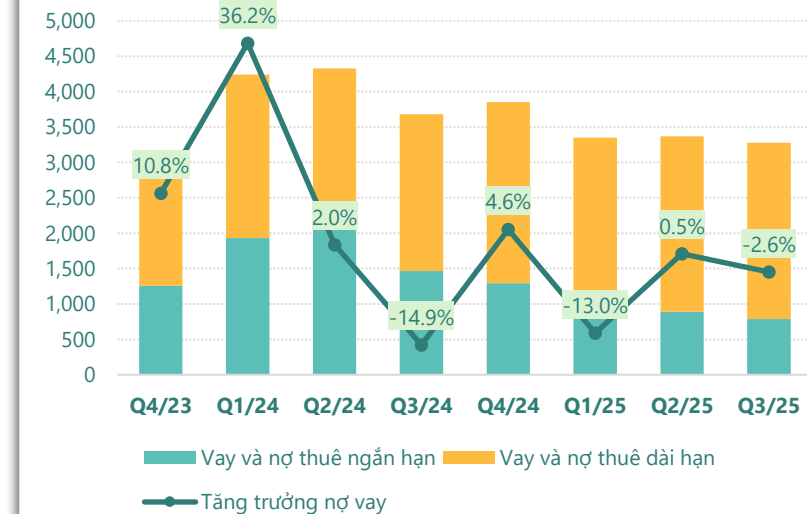
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

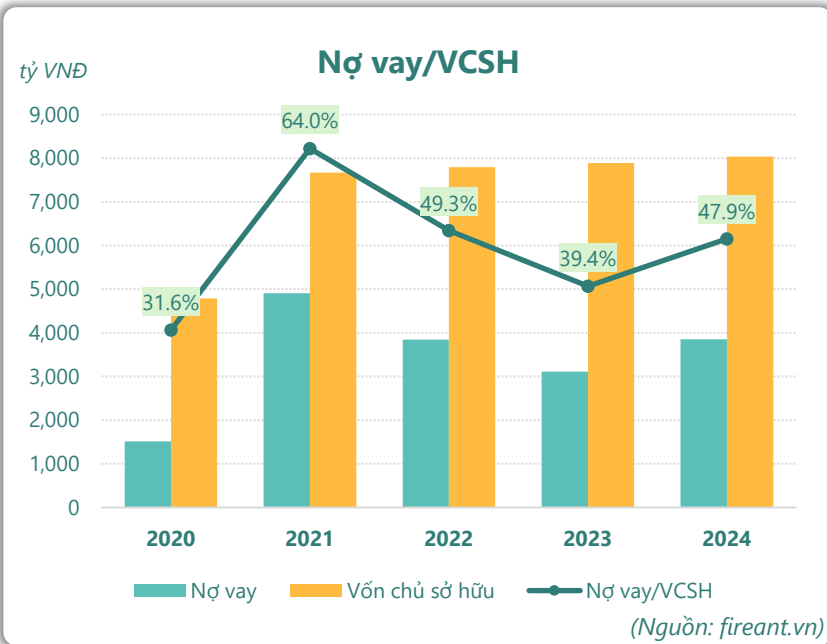
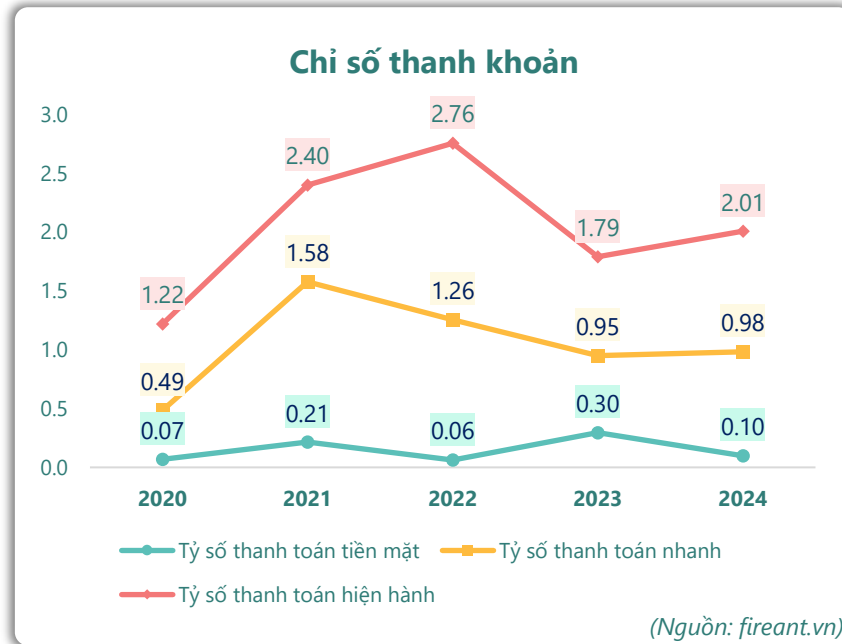
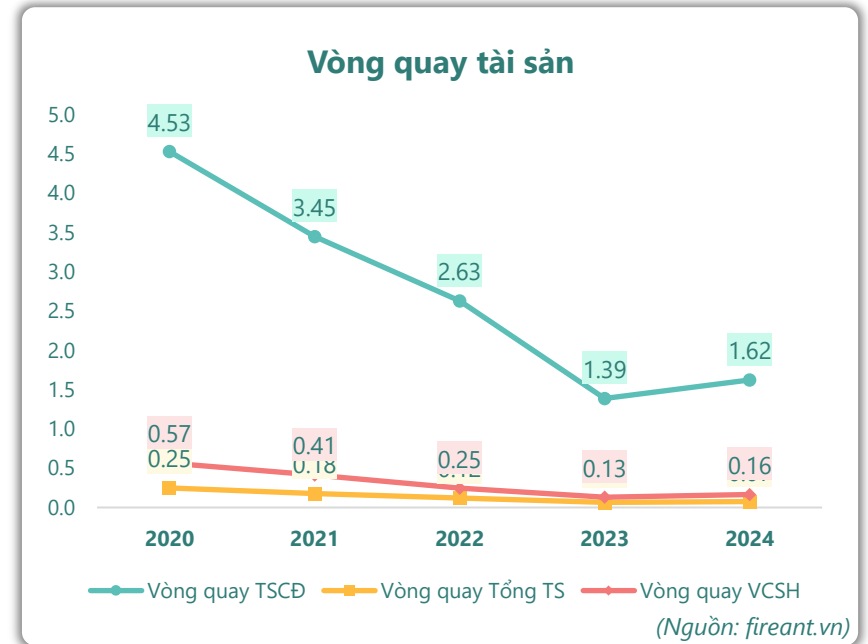
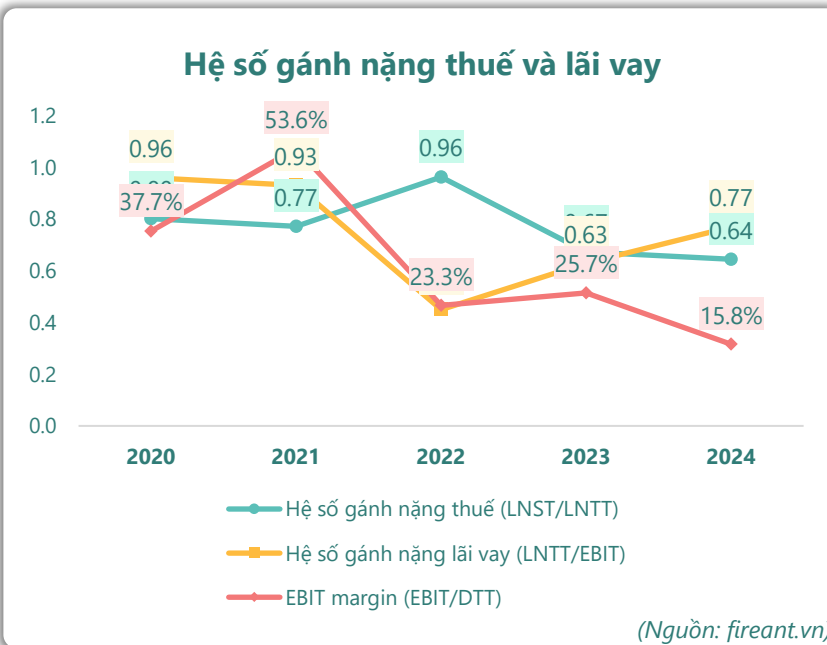
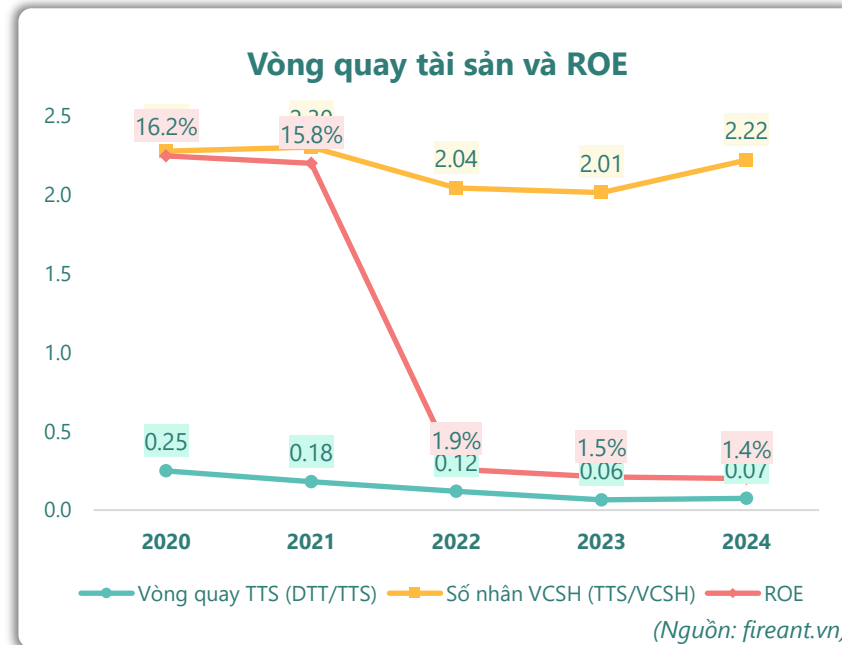
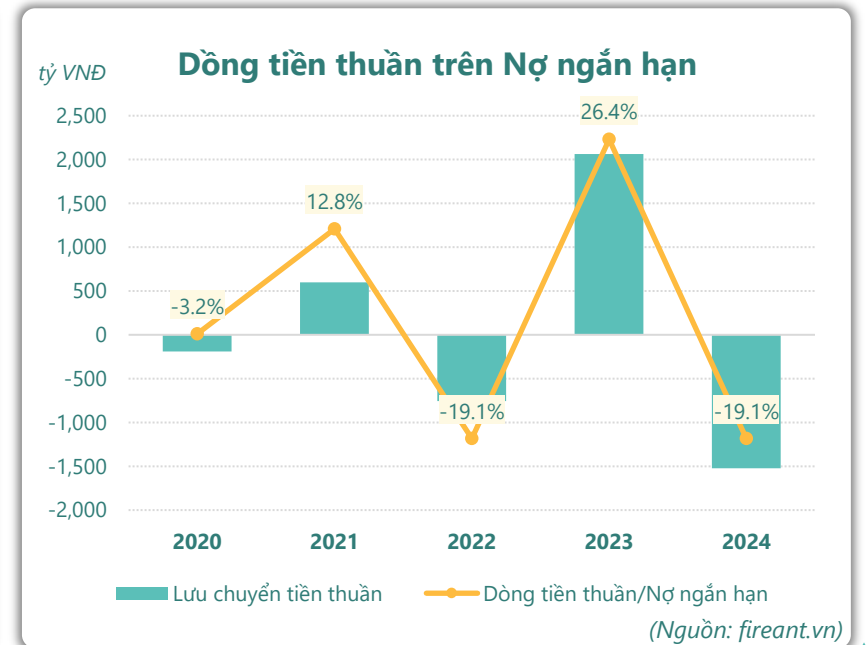
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,339	47.3	2732%	1,764	682	159%
Giá vốn hàng bán	1,013	42.9	2261%	1,291	569	127%
Lợi nhuận gộp	327	4.34	7425%	474	113	318%
Doanh thu HĐTC	2.89	24.2	-88.0%	37.1	59.0	-37.1%
Chi phí TC	50.0	11.5	335%	74.2	15.8	369%
Chi phí lãi vay	44.1	11.3	290%	67.5	35.1	92.4%
LN trong công ty LKLD	23.1	12.1	91.0%	12.3	16.6	-25.7%
Chi phí bán hàng	10.9	8.80	23.9%	37.3	35.7	4.4%
Chi phí QLDN	44.0	25.5	72.4%	137	125	9.5%
LN thuần từ HĐKD	248	-5.12	4938%	275	12.8	2056%
Lợi nhuận khác	10.0	-0.82	1323%	20.8	2.82	637%
LN trước thuế	258	-5.95	4432%	296	15.6	1799%
Lợi nhuận sau thuế	193	11.2	1625%	221	15.1	1363%
LNST của CĐ cty mẹ	211	7.08	2887%	243	15.8	1432%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-706	45.0	-1,029	-0.28	-20.4	832
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	323	425	196	211	103	24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	40.4	-592	250	-502	8.42	-92.5
Tiền đầu kỳ	1,943	1,600	1,479	785	495	586
Lưu chuyển tiền thuần	-343	-121	-583	-291	91.0	764
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,600	1,479	895	495	586	1,349

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,013	18,539	2.6%
Tài sản ngắn hạn	16,594	15,986	3.8%
Tiền và tương đương tiền	1,349	785	71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	659	896	-26.4%
Phải thu ngắn hạn	5,640	5,944	-5.1%
Hàng tồn kho	8,655	8,155	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	290	206	40.8%
Tài sản dài hạn	2,419	2,554	-5.3%
Phải thu dài hạn	187	950	-80.3%
Tài sản cố định	1,354	842	60.8%
Bất động sản đầu tư	166	159	4.5%
Tài sản dở dang	115	96.6	19.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	348	329	5.9%
Tài sản dài hạn khác	151	64.7	132%
Lợi thế thương mại	98.9	113	-12.3%
Nợ phải trả	10,786	10,498	2.7%
Nợ ngắn hạn	8,022	7,962	0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	788	1,573	-49.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	522	511	2.2%
Nợ dài hạn	2,764	2,536	9.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,492	2,277	9.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,228	8,041	2.3%
Vốn chủ sở hữu	8,228	8,041	2.3%
Vốn điều lệ	6,464	6,099	6.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

